TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 96/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 01 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2026/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1974; CCCD số: 0354.7401.0826; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979; CCCD số 0421.7901.7259

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01 ngày 10 tháng 3 năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai *(Nay là UBND xã B, tỉnh Gia Lai)*. Ông, bà đã được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, hai bên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn T có 03 con chung là Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 10/6/2001; Trần Xuân T1, sinh ngày 06/7/2003 và Trần Quyết A, sinh ngày 08/3/2012. Hiện tại các con chung là Trần Thị Mỹ L và Trần Xuân T1 đã thành niên và tự lập được nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Các đương sự đề nghị công nhận sự thoả thuận về việc giao cháu Trần Quyết A cho bà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thống nhất thoả thuận: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/5/2026 cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng

lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà M được nhận số tiền này để nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Trần Quyết A cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục từ nay cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên thống nhất ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đồng *(hai triệu đồng)*/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/5/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bà Nguyễn Thị M được nhận số tiền này để nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005191

ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà M, ông T đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu TA, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung